Phụ lục I

Thời gian ký: 06/02/2023 17:07:16

NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG: THI VIẾT CHỮ ĐÚNG – RÈN CHỮ ĐẸP, THI VĂN HÓA, VĂN NGHỆ; THI CÂU LẠC BỘ TIẾNG ANH, THI OLYMPIC TIẾNG ANH; THI HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP, HƯỚNG NGHIỆP; THI CÁN BỘ ĐOÀN, ĐỘI GIỎI; KHEN THƯỞNG TRẺ MẦM NON, HỌC SINH ĐOẠT GIẢI CẤP TRƯỜNG, CẤP HUYỆN, CẤP TỈNH CÁC HOẠT ĐỘNG THI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Ban chỉ đạo					
- Trưởng ban	*Người/ngày*	190	320	400	
- Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	160	290	360	
- Ủy viên, thư ký	*Người/ngày*	110	260	320	
- Nhân viên phục vụ	*Người/ngày*	80	220	280	
2. Hội đồng/Ban ra đề thi					
a. Đề đề xuất	*Đề*	240	310	460	
b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm					
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	280	360	450	
- Người ra đề thi	*Người/ngày*	280	360	450	
- Uỷ viên, thư ký, kỹ thuật viên	*Người/ngày*	250	320	400	
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	*Người/ngày*	100	125	150	
3. Hội đồng/Ban coi thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	260	320	400	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	220	290	360	
- Uỷ viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	*Người/ngày*	170	220	280	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	*Người/ngày*	80	100	120	
4. Hội đồng/Ban chấm thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	260	320	400	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	224	290	360	
- Uỷ viên, thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	*Người/ngày*	200	260	320	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	*Người/ngày*	80	100	120	

5. Tiền ăn học sinh tham gia thi	*Người/ngày*		100	150	

II. Nội dung và mức chi khen thưởng

Trẻ mầm non, học sinh đoạt giải					
1. Thưởng cá nhân					
- Nhất hoặc tương đương	*Giải*	400	450	600	
- Nhì hoặc tương đương	*Giải*	250	300	450	
- Ba hoặc tương đương	*Giải*	150	200	300	
2. Thưởng tập thể (có từ 02 học sinh trở lên)					
- Nhất hoặc tương đương	*Giải*	500	600	800	
- Nhì hoặc tương đương	*Giải*	350	400	600	
- Ba hoặc tương đương	*Giải*	250	300	400	
- Khuyến khích	*Giải*	150	200	250	

III. Nội dung, mức chi theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự thi

1. Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

IV. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

Thời gian ký:
06/02/2023 17:07:16

Phụ lục II

NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THAO QUỐC PHÒNG - AN NINH; HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG; THI THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)				Ghi chú
		cấp trường (thuộc huyện)	Cấp huyện, trường (thuộc Sở)	Cấp tỉnh	Cấp Quốc gia	
1. Ban tổ chức						
- Trưởng ban	*Người/ngày*	50	60	80		
- Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	50	60	80		
- Ủy viên, thư ký, thành viên các Tiểu ban chuyên môn	*Người/ngày*	40	50	60		
- Thuê người dẫn chương trình (MC) khai mạc, tổng kết	*Người/ngày*	600	800	1,000		
- Nhân viên phục vụ, công an, y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	*Người/ngày*	30	40	45		
2. Hội đồng /Ban ra đề						
a. Đề đề xuất	*Đề*	190	250	370		
b. Ra đề chín thức, dự bị kèm đáp án, biểu chấm						
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	260	320	400		
- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	*Người/ngày*	230	290	360		
- Người ra đề	*Người/ngày*	230	290	360		
- Uỷ viên, thư ký, kỹ thuật viên	*Người/ngày*	200	260	320		
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	*Người/ngày*	80	100	120		
3. Hội đồng/Ban giám khảo						
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	210	250	320		
- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	*Người/ngày*	180	230	290		
- Uỷ viên, thư ký, kỹ thuật viên	*Người/ngày*	140	200	220		

- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	*Người/ngày*	80	100	120		
4. Ban thư ký						
- Trưởng Ban	*Người/ngày*	210	250	320		
- Phó Trưởng Ban	*Người/ngày*	180	230	290		
- Uỷ viên, thư ký, kỹ thuật viên	*Người/ngày*	140	200	220		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	*Người/buổi*	80	100	120		
5. Chế độ bồi dưỡng cho Tổ trọng tài, giám sát, huấn luyện viên, vận động viên						
5.1. Chế độ bồi dưỡng đối với trọng tài, giám sát						
- Tổ Trưởng	*Người/ngày*	190	260	320		
-Trọng tài chính, giám sát	*Người/buổi*	40	50	60		
- Ủy viên, thư ký, trọng tài khác	*Người/buổi*	30	40	50		
- Ủy viên, thư ký, trọng tài, giám sát (những môn thi đấu tính theo trận như: Bóng đá 5-7 người, Bóng chuyền, Bóng rổ, …)	*Người/trận*	50	60	80		*Mỗi trọng tài không tham gia quá 3 trận/ngày*
- Ủy viên, thư ký, trọng tài, giám sát môn Bóng đá 11 người	*Người/trận*	90	120	150		*Mỗi trọng tài không tham gia quá 2 trận/ngày*
5.2. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động						
-Trong thời gian thi luyện tập	*Người/ngày*	90	120	150	200	*Đối với những người không được thanh toán theo chế độ công tác phí*

-Trong thời gian tham gia thi	*Người/ngày*	120	160	200	300	*Đối với những người không được thanh toán theo chế độ công tác phí*
6. Tiền ăn, ở, tàu xe cho huấn luyện viên, vận động viên, đạo diễn, diễn viên trong thời gian luyện tập và tham gia thi	***Theo chế độ công tác phí hiện hành cho cán bộ công chức***					
7. Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ đối với giải thi đấu thể thao	**Đơn vị tính**	**Mức chi (1.000 đ)**				**Ghi chú**
		cấp trường (thuộc huyện)	**Cấp huyện, trường (thuộc Sở)**	**Cấp tỉnh**	**Cấp Quốc gia**	
- Chi hỗ trợ trong thời gian luyện tập						
+ Đối với người tham gia luyện tập	*Người/buổi*	20	20	30		
+ Đối với người hướng dẫn luyện tập	*Người/buổi*	40	50	60		
- Chi hỗ trợ trong thời gian tổng duyệt (tối đa 2 buổi)						
+ Đối với người tham gia luyện tập	*Người/buổi*	40	50	70		
+ Đối với người hướng dẫn luyện tập	*Người/buổi*	40	50	60		
- Chi hỗ trợ trong thời gian biểu diễn						
+ Đối với người tham gia luyện tập	*Người/ngày*	20	30	40		
+ Đối với người hướng dẫn luyện tập	*Người/ngày*	40	50	60		
8. Mức chi hỗ trợ trang điểm, hóa trang cho diễn viên tham gia hội thi	***Người/đợt***	**120**	**160**	**200**	**250**	*Có hóa đơn hợp lệ*
9. Mức chi thuê trang phục cho diễn viên tham gia thi	***Người/đợt***	**60**	**80**	**100**	**150**	
- Thuê đạo diễn chương trình	*Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ trong phạm vi dự toán*					
10. Tiền thuê cơ sở vật chất, phí khám sức khỏe cho vận động viên, mua vật tư y tế, một số chi phí khác như vận chuyển, lắp đặt, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, văn phòng phẩm, in ấn biểu mẫu, thẻ đeo, ...	*Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao*					
II. Nội dung và mức chi khen thưởng đoạt giải						
1. Giải cá nhân						

- Giải nhất/Huy chương vàng/Giải A	*Giải*	200	250	300		
- Giải nhì /Huy chương bạc/Giải B	*Giải*	150	200	250		
- Giải ba /Huy chương đồng/Giải C	*Giải*	100	150	200		
2. Giải tập thể (có từ 02 vận động viên, diễn viên trở lên)						
- Giải nhất/Huy chương vàng/Giải A	*Giải*	200	300	400		
- Giải nhì /Huy chương bạc/Giải B	*Giải*	150	200	300		
- Giải ba /Huy chương đồng/Giải C	*Giải*	100	150	200		
- Giải khuyến khích	*Giải*	60	80	100		
3. Giải toàn đoàn (hội thi, giải thi đấu có từ 10 đơn vị tham gia hoặc giải thi đấu thể thao có 03 môn thi đấu						
- Giải nhất	*Giải*	900	1,200	1,500		
- Giải nhì	*Giải*	600	800	1,000		
- Giải ba	*Giải*	400	600	800		
- Giải khuyến khích	*Giải*	0	0	0		

điều chỉnh cho phù hợp với ban tổ chức

không có trong NQ 18 (bỏ)

Mức chi theo trận NQ 18 ko quy định nên ko điều chỉnh

Thời gian ký:
06/03/2023 17:07:16

Phụ lục III

NỘI DUNG MỨC CHI HỖ TRỢ BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA, KHOA HỌC KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)				Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Quốc gia	
1. Chi cho giáo viên tham gia dạy Bồi dưỡng, tập huấn						
1.1. Chi dịch tài liệu tham khảo (Tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc)	*Trang*				80	
1.2. Chi bồi dưỡng cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	*Người/ngày*	150	150	200	200	
1.3.Chi biên soạn và giảng dạy						
- Chi tiền công thuê chuyên gia dạy bồi dưỡng, tập huấn	*Tiết*				800	
- Biên soạn và giảng dạy lý thuyết	*Tiết*	200	200	250	500	
- Biên soạn và giảng dạy thực hành	*Tiết*	150	150	200	450	
- Trợ lý thí nghiệm, thực hành	*Tiết*	150	150	200	300	
Đối với giáo viên được phân công dạy bồi dưỡng học sinh giỏi cấp trường chỉ thanh toán cho số tiết vượt giờ chuẩn.						
- Hướng dẫn học sinh hoàn thiện sản phẩm để tham gia dự thi cấp tỉnh/quốc gia (số buổi tính cho 01 sản phẩm/dự án không quá 20 buổi)	Người/buổi			250	500	
1.4.Tiền ở, lưu trú và vé tàu xe đi lại của giáo viên ở xa trong thời gian tập huấn	*Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước (chi tại đơn vị trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt)*					
2. Chi cho học sinh	**Đơn vị tính**	**Mức chi (1.000 đ)**				**Ghi chú**
		Cấp trường	**Cấp huyện**	**Cấp tỉnh**	**Quốc gia**	
2.1. Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày tập huấn	*Người/ngày*		100	150	200	
2.2. Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày dự thi	*Người/ngày*	100	100	150	250	
3. Tiền ở và vé tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn, dự thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, nguyên liệu hóa chất thực hành,..	*Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được giao*					

Thời gian ký:
06/02/2023 17:07:16

Phụ lục IV

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI DÀNH CHO GIÁO VIÊN: TỔ CHỨC THI CÁN BỘ THƯ VIỆN GIỎI, THI XÂY DỰNG THIẾT BỊ DẠY HỌC;THI THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ; THI ĐỒ DÙNG DẠY HỌC; THI GIÁO VIÊN THANH LỊCH; THI VĂN NGHỆ; THI TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI GIỎI; THI TỰ LÀM VÀ SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Ban chỉ đạo					
- Trưởng ban	*Người/ngày*	240	400	500	
- Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	200	360	450	
- Ủy viên, thư ký	*Người/ngày*	140	320	400	
- Nhân viên phục vụ	*Người/ngày*	100	280	350	
2. Hội đồng/Ban ra đề thi					
a. Đề đề xuất	*Đề*	300	390	580	
b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm					
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	280	360	450	
- Người ra đề thi	*Người/ngày*	280	360	450	
- Uỷ viên, thư ký, kỹ thuật viên	*Người/ngày*	250	320	400	
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	*Người/ngày*	100	125	150	
3. Hội đồng/Ban coi thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	280	360	450	
- Uỷ viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	*Người/ngày*	220	280	350	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	*Người/ngày*	100	125	150	
4. Hội đồng/Ban chấm thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	*Người/ngày*	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	*Người/ngày*	280	360	450	
- Uỷ viên, thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	*Người/ngày*	250	320	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	*Người/ngày*	100	125	150	

II. Mức chi tiền thưởng cho giáo viên đoạt giải

- Giải nhất	*Giải*	500	640	800	

- Giải nhì	*Giải*	400	450	600	
- Giải ba	*Giải*	250	300	400	
- Giải khuyến khích	*Giải*	150	200	250	

III. Nội dung, mức chi theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự thi

1. Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

IV. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.